TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14 tháng 01 năm 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Minh Tám
2. Bà Lê Thị Nhớ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lương Lê Ngọc Linh– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Đức Lam Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 235/2025/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 29/2025/QĐ-TA ngày 24 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị T – Sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh M - Sinh năm 1980. Nơi cư trú: K N, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Thanh M kết hôn vào ngày 05/3/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà về chung sống tại nhà bố mẹ ông M tại địa chỉ số K N, phường A, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống với nhau, ông M và bà T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, hay cải vã, không cùng quan điểm sống. Bà T trình bày trong thời gian chung sống, từ năm 2012 ông M có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên năm 2014 hai ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông M, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

- *Về quan hệ con chung*: Bà T xác nhận, bà T và ông M có 02 con chung tên Nguyễn Đào Ánh T1 - Sinh ngày 29/5/2004 và Nguyễn Minh T2 – Sinh ngày 27/6/2011. Ly hôn, bà T có nguyện vọng giao con tên Nguyễn Minh T2 cho ông M chăm sóc, nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Nguyễn Đào Ánh T1 đã đủ tuổi thành niên nên bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay, cháu Nguyễn Minh T2 đang sống cùng với ông M địa chỉ số K N, phường A, thành phố Đà Nẵng.

- *Về tài sản chung*: Bà T xác nhận bà và ông M không có tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Bà T xác nhận bà và ông M không nợ ai và không ai nợ vợ chồng bà.

**** Bị đơn ông Nguyễn Thanh M:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập lấy lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M vắng mặt cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông M .

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng:***

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia quá trình tố tụng là không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu xin ly hôn và nguyện vọng về nuôi con chung của bà Đào Thị T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 51, 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T. Đề nghị HĐXX xử cho bà T ly hôn với ông Nguyễn Thanh M và giao con tên Nguyễn Minh T2 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (18 tuổi), ông M không có ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn ông Nguyễn Thanh M có cư trú tại phường A, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 3 đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Thanh M vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Nguyên đơn – bà Đào Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Thanh M xây dựng gia đình vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau. Việc kết hôn giữa ông M và bà T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không trái với quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M là hoàn toàn hợp pháp.

Xét thấy trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn trình bày, bà T xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, nguyên nhân là do vợ chồng hay cải vã, không hạnh phúc. Bà T xác nhận hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Bà T cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông M nên mong muốn được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Thanh M đều vắng mặt và cũng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Điều này thể hiện ông M không có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Theo xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện bà T đã không còn ở tại địa chỉ K N, phường A, thành phố Đà Nẵng từ năm 2014 đến nay, hiện các con của bà T và ông M đang chung sống ổn định với ông M. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông M và bà T đã đến mức trầm trọng, không chung sống với nhau hơn 10 năm, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Đào Thị T đối với ông Nguyễn Thanh M.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Thanh M có 02 con chung tên Nguyễn Đào Ánh T1 - Sinh ngày 29/5/2004 và Nguyễn Minh T2 – Sinh ngày 27/6/2011. Quá trình giải quyết vụ án, bà T có nguyện vọng giao con tên Nguyễn Minh T2 cho ông M chăm sóc, nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Nguyễn Đào Ánh T1 đã đủ tuổi thành niên nên bà T không yêu cầu Toà án giải quyết. Qua xác minh tại địa phương, các con của ông M và bà T đang sống ổn định với ông M nên bà T có nguyện vọng giao con tên Nguyễn Minh T2 cho ông M chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi đủ tuổi trưởng thành và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu giao con chung của bà Đào Thị T thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh M vắng mặt và không có ý kiến gì về việc bà T có nguyện vọng giao con Nguyễn Minh T2 cho ông M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Qua xác minh tại địa phương, cháu Nguyễn Minh T2 đang sống chung với ông M ổn định từ khi bà T bỏ đi, cháu là con trai nên cần sự chăm sóc từ bố, bản thân cháu T2 cũng có ý kiến mong muốn ở với ông M nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Minh T2 cho ông Nguyễn Thanh M chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 đủ tuổi thành niên. Ông M không có ý kiến gì về việc yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đào Thị T xác định, bà và ông Nguyễn Thanh M không có. Quá trình giải quyết vụ án ông M vắng mặt và không có ý kiến gì đối với vấn đề tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập. Trường hợp sau này, ông M và bà T có tranh chấp về phần tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, nuôi con chung" của bà Đào Thị T đối với ông Nguyễn Thanh M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị T – Sinh năm 1985 được ly hôn ông Nguyễn Thanh M – Sinh năm 1980.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18 ngày 05/3/2009 của UBND phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ) không còn giá trị kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật).

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên con chung tên Nguyễn Minh T2 - Sinh ngày 27/6/2011 cho ông Nguyễn Thanh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Đào Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003509 ngày 13.10.2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3, Đà Nẵng;
- THADS Tp Đà Nẵng;
- Sở tư pháp;
- UBND phường Phước Ninh, Quận Hải Châu. Tp Đà Nẵng (Nay là UBND Phường Hải Châu, Tp Đà Nẵng);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Hồng Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA